# BẢNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MINH HOẠ

MÔN SINH HỌC 8- NHÓM KHTN HUYỆN PHÚ XUYÊN

## 1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì 1 môn Sinh học, lớp 8

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung: 5. Chủ đề tiêu hóa*

**- Thời gian làm bài: 45** *phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 6 câu, thông hiểu: 12 câu, Vận dụng: 2 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 2,5 điểm; Thông hiểu: 0 điểm; Vận dụng: 1,5 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung nửa đầu học kì 1: 25*% (2,5 điểm)*

- Nội dung nửa học kì sau: *75% (7,5 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Khái quát về cơ thể người (5 tiết)* |  | **1** |  | **1** |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| *2. Chủ đề Hệ vận động (6 tiết)* |  | **1** |  |  |  | **1** |  |  |  | 2 | 0,5 |
| *3. Chủ đề Tuần hoàn (7 tiết)* | 2 |  |  | **4** | 3 | **1** | 4 |  | 9 | 5 | 3,5 |
| *4. Chủ đề Hô hấp (4 tiết)* |  |  |  | **5** | 3 |  |  |  | 3 | 5 | 2,0 |
| *5. Chủ đề tiêu hóa (6 tiết)* | ~~8~~ | **4** |  | **2** |  |  |  |  | ~~8~~ | 6 | 3,5 |
| **Số câu** | **10** | **6** | **0** | **12** | **6** | **2** | **4** | **0** | 24 | 16 | 10,00 |
| **Điểm số** | **2,5** | **1,5** | **0** | **3,0** | **1,5** | **0,5** | **1,0** | **0** | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1. Khái quát về cơ thể người (5 tiết)*** | | |  | **2** |  |  |
| - Cấu tạo cơ thể người.  - Tế bào  - Mô  - Phản xạ | **Nhận biết** |  |  | **1** |  |  |
| - Kể tên và xác định được vị trí các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. |  |  |  |  |
| - Mô tả được thành phần cấu tạo của tế bào phù hợp với chức năng của chúng. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm mô, các loại mô chính và chức năng của chúng |  | 1 |  | C1.2 |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Nêu rõ tính thống nhất trong hoạt động của các hệ cơ quan dưới sự chỉ đạo của hệ thần kinh và hệ nội tiết. |  |  |  |  |
| - Xác định rõ tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cấu tạo và chức năng của nơron. |  | 1 |  | C1.12 |
| - Trình bày được thành phần của 1 cung phản xạ và đường dẫn truyền xung thần kinh trong 1 cung phản xạ. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| - Giải thích được thế nào là phản xạ. |  |  |  |  |
| ***2. Chủ đề Hệ vận động (6 tiết)*** | | |  | **2** |  |  |
| - Bộ xương  - Cấu tạo và tính chất của xương.  - Cấu tạo và tính chất của cơ.  - Tiến hóa của hệ vận động  - Tập sơ cứu và bang bó cho người gãy xương | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được hệ vận động gồm cơ và xương. |  |  |  |  |
| - Mô tả cấu tạo của 1 xương dài. |  |  |  |  |
| - Nêu được cơ chế lớn lên và dài ra của xương |  | 1 |  | C1.4 |
| - Xác định được thành phần hóa học. |  |  |  |  |
| - Nêu được ý nghĩa của sự co cơ, nguyên nhân của sự mỏi cơ. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Trình bày được các phần chính của bộ xương và xác định được vị trí các xương chính ngay trên cơ thể mình. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các loại khớp xương, nắm vững cấu tạo khớp động. |  |  |  |  |
| - Trình bày tính chất cơ bản của cơ và tính chất của xương. |  | **1** |  | C1.11 |
| - Nêu rõ những đặc điểm thích nghi với dáng đứng thẳng và lao động. |  |  |  |  |
| - So sánh bộ xương của người với thú |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| - Giữ vệ sinh thân thể phòng chống các bệnh tật về cơ xương. |  |  |  |  |
| ***3. Chủ đề Tuần hoàn (7 tiết)*** | | | **3** | **5** |  |  |
| - Máu và môi trường trong cơ thể  – Bạch cầu- Miễn dịch  Đông máu và nguyên tắc truyền máu.  - Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết.  - Tim và mạch máu.  - Vận chuyển máu qua hệ mạch. Vệ sinh hệ tuần hoàn.  - Sơ cứu cầm máu | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm miễn dịch |  |  |  |  |
| - Nêu được chu kì tim. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm huyết áp. |  |  |  |  |
| - Nêu các tác nhân gây hại cho tim mạch và các biện pháp phòng tránh. |  |  |  |  |
| - Nêu biện pháp rèn luyện tim mạch và ý nghĩa của việc rèn luyện tim. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Trình bày được thành phần cấu tạo và chức năng của máu. |  |  |  |  |
| - Nêu được thành phần và vai trò của môi trường trong cơ thể. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo. |  |  |  |  |
| - Trình bày được hiện tượng, cơ chế của hiện tượng đông máu, nguyên tắc truyền máu |  |  |  |  |
| - Trình bày được cấu tạo của tim và hệ mạch liên quan đến chức năng của chúng. |  |  |  |  |
| - Trình bày được sơ đồ vận chuyển máu và bạch huyết qua hệ mạch. |  | **4** |  | C3 |
| - Trình bày sự thay đổi tốc độ vận chuyển máu trong các đoạn mạch. Ý nghĩa của tốc độ máu chậm trong mao mạch. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| - Giải thích nguyên tắc truyền máu giữa các nhóm máu |  | **1** |  | C1.3 |
|  | - Sơ cứu cầm máu |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Giải thích hiện tượng miễn dịch sau khi tiêm vacin |  |  |  |  |
| ***4. Chủ đề Hô hấp (4 tiết)*** | | | **1** | **5** |  |  |
| – Hô hấp và cơ quan hô hấp  – Hoạt động hô hấp  – Vệ sinh hô hấp  - TH: Hô hấp nhân tạo | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu khái niệm về dung tích sống lúc thở sâu... |  |  |  |  |
| - Nêu được các tác nhân gây bệnh đường hô hấp (tác nhân gây ô nhiễm không khí). Nêu các bệnh đường hô hấp thường gặp |  |  |  |  |
| - Nêu các biện pháp để có hệ hô hấp khỏe mạnh |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Trình bày được quá trình hô hấp và ý nghĩa của hô hấp. |  | **1** |  | C1.7 |
| - Xác định được vị trí cấu tạo các cơ quan hô hấp và chức năng của chúng |  | **2** |  | C1.5  C1.8 |
| - Trình bày động tác thở (hít vào, thở ra) với sự tham gia của các cơ thở. |  | **1** |  | C1.1 |
| - Trình bày được cơ chế trao đổi khí ở phổi và ở tế bào. |  | **1** |  | C1.6 |
| **Vận dụng** | - Nắm được trình tự các bước hô hấp nhân tạo |  |  |  |  |
| - Tích cực hành động ngăn ngừa các tác nhân gây ô nhiễm không khí |  |  |  |  |
| - Giải thích được cơ sở khoa học của việc tập luyện thể dục thể thao, lao động đúng cách… |  |  |  |  |
| ***5. Chủ đề Tiêu hóa* (6 tiết)** | | | **1** | **6** |  |  |
| – Tiêu hóa và các cơ quan tiêu hóa  – Tiêu hóa ở khoang miệng  – Tiêu hóa ở dạ dày  – Tiêu hóa ở ruột non  – Hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân.  - Vệ sinh tiêu hóa. | **Nhận biết** |  |  | **4** |  |  |
| - Nêu được vai trò của tiêu hoá trong sự biến đổi thức ăn về hai mặt lí học (chủ yếu là biến đổi cơ học) và hóa học. |  |  |  |  |
| - Nêu được tên các cơ quan tiêu hóa và vị trí của chúng. |  | **4** |  | C2 |
| - Kể tên một số bệnh về đường tiêu hóa thường gặp |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** |  |  | **2** |  |  |
| - Trình bày sự biến đổi của thức ăn trong ống tiêu hóa về mặt cơ học (miệng, dạ dày) và sự biến đổi hóa học nhờ dịch tiêu hóa do các tuyến tiêu hóa tiết ra, đặc biệt ở ruột. |  | 2 |  | C1.9  C1.10 |
| - Nêu đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng hấp thụ, xác định con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng đã hấp thụ. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| - Cách phòng tránh bệnh đường tiêu hóa |  |  |  |  |

**NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (ĐỀ 1)**

**I. Trắc nghiệm: (5đ):**

***Câu 1: Hãy chọn câu đúng nhất.***

**1.** Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào ?

A. Cơ liên sườn ngoài dãn còn cơ hoành co

B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dãn

C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co

D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dãn

**2.** Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng ?

A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể.

B. Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng.

C. Gồm những tế bào có cấu trúc giống nhau cùng đảm nhiệm 1 chức năng nhất định.

D. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau.

**3.** Tại sao người có nhóm máu O có thể truyền cho người có nhóm máu AB mà người có nhóm máu AB không thể truyền cho người có nhóm máu O

**A.** Vì người mang nhóm máu O có cả 2 loại kháng nguyên còn người mang nhóm máu AB không mang loại kháng nguyên nào cả.

**B.** Vì người mang nhóm máu O và AB đều không có cả 2 loại kháng nguyên

**C.** Vì người mang nhóm máu O và AB đều có cả 2 loại kháng nguyên

**D.** Vì người mang nhóm máu AB có cả 2 loại kháng nguyên còn người mang nhóm máu O không mang loại kháng nguyên nào cả.

**4.** Ở xương dài, màng xương có chức năng gì?

A. Giúp xương phát triển to về bề ngang

B. Giúp xương dài ra

C. Giúp giảm ma sát khi chuyển động

D. Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng

**5.**  Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

**A.** Họng và phế quản.    **B.** Phế quản và mũi.

**C.** Họng và thanh quản   **D.** Thanh quản và phế quản.

**6.** Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu?

A. Khí nitơ B. Khí cacbônic C. Khí ôxi D. Khí hiđrô

**7.** Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì ?

A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbônic

B. Sử dụng khí cacbônic và loại thải khí ôxi

C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbônic

D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

**8.** Bộ phận nào của đường hô hấp thực hiện chức năng trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường ngoài?

A. Khí quản B. Phổi C. Thanh quản       D. Phế quản

**9.** Trong nước bọt có chứa loại enzim nào ?

A. Lipaza       B. Mantaza C. Amilaza       D. Prôtêaza

**10.** Loại dịch tiêu hoá nào dưới đây có vai trò nhũ tương hoá lipit ?

A. Dịch tuỵ B. Dịch mật C. Dịch vị D. Dịch ruột

***11.*** Sự mềm dẻo của xương có được là nhờ thành phần nào ?

A. Nước B. Chất khoáng C. Chất cốt giao D. Sắt

12. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành 3 loại : nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm ?

**A.** Hình thái    **B.** Tuổi thọ    **C.** Chức năng    **D.** Cấu tạo

***Câu 2. Nối tuyến tiêu hóa (cột A) ở vị trí của cơ quan tiêu hóa trong ống tiêu hóa (cột B):***

| ***Các hoạt động tiêu hóa (Cột A)*** | ***Nối*** | ***Tác dụng của các hoạt động (cột B)*** |
| --- | --- | --- |
| A- Tuyến nước bọt  B- Tuyến vị  C- Tuyến ruột  D- Tuyến gan, tuyến tụy | A-............  B-...........  C-............  D-............ | 1- Khoang miệng  2- Họng  3- Dạ dày  4- Ruột non  5- Ruột già  6- Hậu môn. |

***Câu 3. Điền từ thích hợp vào sơ đồ:***

- Vòng tuần hoàn nhỏ:

Tâm thất phải->...........-> Phổi (trao đổi khí)-> .......................->Tâm nhĩ trái

- Vòng tuần hoàn lớn

Tâm nhĩ trái->...........-> Động mạch chủ-> Cơ quan (trao đổi khí)-> Tĩnh mạch chủ-> ........-> Tâm thất phải

**II. Tự luận**: **(5đ)**

**Câu 1:** (2,25đ)

**a.** Có mấy loại miễn dịch? (0,5)

b. Nêu các bước sơ cứu khi bị chảy máu động mạch? (0,75)

c. Vì sao người có khả năng miễn dịch sau khi được tiêm vacxin? (1)

**Câu 2:** Nêu đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng tiêu hóa thức ăn? (2đ)

**Câu 3**: Hút thuốc lá có hại như thế nào cho hệ hô hấp? (0,75 đ)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1**

**I. Phần trắc nghiệm:** (0,25 đ/1câu)

Câu 1: 1- C; 2- C; 3- D; 4- A; 5- A; 6-B; 7- C; 8- B; 9 - C; 10- B; 11- C; 12- C

Câu 2- Nối: A- 1; B- 3; C- 4; D- 4

Câu 3: -........ Động mạch phổi ........Tĩnh mạch phổi

- .........Tâm thất trái.....................Tâm nhĩ phải

**II. Tự luận:**

**Câu 1: (2,25đ)**

a- Có 2 loại: Miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo

+ Miễn dịch tự nhiên: có được một cách ngẫu nhiên, bị động từ khi cơ thể mới sinh ra hay sau khi cơ thể đã nhiễm bệnh.

+ Miễn dịch nhân tạo: có được một cách không ngẫu nhiên, chủ động, khi cơ thể chưa bị nhiễm. (tiêm vacxin)

b- các bước sơ cứu khi bị chảy máu động mạch (Vết thương ở cổ tay, cổ chân)

+ Dùng ngón tay cái dò tìm và ấn động mạch làm ngừng chảy máu ở vết thương vài ba phút (Hoặc bịt chặt vết thương…)

+ Buộc garo bằng dây cao su hoặc vải mềm vào vị trí gần sát nhưng cao hơn vết thương (về phía tim)…

+ Sát trùng vết thương (nếu có điều kiện), đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu

c- Vì độc tố của vi khuẩn là kháng nguyên đã được làm yếu không đủ khả năng gây hại cho cơ thể. Khi đưa vào cơ thể nó tác dụng kích thích tế bào bạch cầu tiết kháng thể. Kháng thể tạo ra tiếp tục tồn tại trong máu giúp cơ thể miễn dịch được với bệnh đó.

**Câu 2 (2đ)**

Đặc điểm cấu tạo ruột non phù hợp với tiêu hóa thức ăn:

+ Ruột non cũng có cấu tạo 4 lớp như dạ dày nhưng thành mỏng hơn. Lớp cơ có cơ vòng, cơ dọc co bóp tạo lực đẩy thức ăn dần xuống các phần tiếp theo của ruột, đồng thời giúp thức ăn thấm đều dịch mật, dịch tụy và dịch ruột

+ Lớp niêm mạc có tuyến ruột tiết dịch ruột. tá tràng nhận các dịch tiêu hóa khác là dịch mật và dịch tụy

**Câu 3:** (0,75đ)

Trong thuốc lá có chất độc nicôtin, cacbon ôxit gây:

- Tê liệt lớp lông rung phế quản, giảm hiệu quả lọc sạch không khí.

- Có thể gây ung thư phổi.

-> Thuốc lá gây tác hại đến hô hấp,… từ đó ảnh hưởng tới sức khỏe, tuổi thọ bản thân và những người xung quanh.

**NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (ĐỀ 2)**

**I. Trắc nghiệm: (5đ):**

***Câu 1: Hãy chọn câu đúng nhất.***

**1.** Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào ?

A. Cơ liên sườn ngoài dãn còn cơ hoành co

B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dãn

C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co

D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dãn

**2.** Trong cơ thể người có mấy loại mô chính ?

A. 5 loại      B. 2 loại C. 4 loại      D. 3 loại

**3.**  Người có nhóm máu không mang kháng thể anpha và bêta có thể truyền được cho nhóm máu nào dưới đây ?

A. O       B. B C. A       D. AB

**4.** Ở xương dài, lớp sụn tăng trưởng có chức năng gì?

A. Giúp xương dài ra

B. Giúp xương phát triển to về bề ngang

C. Giúp giảm ma sát khi chuyển động

D. Giúp dự trữ các chất dinh dưỡng

**5.**  Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

**A.** Họng và phế quản.    **B.** Phế quản và mũi.

**C.** Họng và thanh quản   **D.** Thanh quản và phế quản.

**6.** Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu?

A. Khí nitơ B. Khí cacbônic C. Khí ôxi D. Khí hiđrô

**7.** Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì?

A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbônic

B. Sử dụng khí cacbônic và loại thải khí ôxi

C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbônic

D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

**8.** Bộ phận nào của đường hô hấp thực hiện chức năng trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường ngoài?

A. Khí quản B. Phổi C. Thanh quản       D. Phế quản

**9.** Trong nước bọt có chứa loại enzim nào ?

A. Lipaza       B. Mantaza C. Amilaza       D. Prôtêaza

**10.** Sau khi trải qua quá trình tiêu hoá ở ruột non, prôtêin sẽ được biến đổi thành

A. glucôzơ.       B. axit amin. C. axit béo.       D. glixêrol.

***11.*** Sự mềm dẻo của xương có được là nhờ thành phần nào ?

A. Nước B. Chất khoáng C. Chất cốt giao D. Sắt

12. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành 3 loại : nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm ?

**A.** Hình thái    **B.** Tuổi thọ    **C.** Chức năng    **D.** Cấu tạo

***Câu 2. Nối tuyến tiêu hóa (cột A) ở vị trí của cơ quan tiêu hóa trong ống tiêu hóa (cột B):***

| ***Các hoạt động tiêu hóa (Cột A)*** | ***Nối*** | ***Tác dụng của các hoạt động (cột B)*** |
| --- | --- | --- |
| A- Tuyến nước bọt  B- Tuyến vị  C- Tuyến ruột  D- Tuyến gan, tuyến tụy | A-..........  B-...........  C-............  D-............ | 1- Khoang miệng  2- Họng  3- Dạ dày  4- Ruột non  5- Ruột già  6- Hậu môn. |

***Câu 3. Điền từ thích hợp vào sơ đồ:***

- Vòng tuần hoàn nhỏ:

Tâm thất phải->...........-> Phổi (trao đổi khí)-> .......................->Tâm nhĩ trái

- Vòng tuần hoàn lớn

Tâm nhĩ trái->...........-> Động mạch chủ->Cơ quan (trao đổi khí)-> Tĩnh mạch chủ-> ........-> Tâm thất phải

**II. Tự luận**: **(5đ)**

**Câu 1: (2,25đ)**

**a.** Miễn dịch là gì?

b. Nêu các bước sơ cứu khi bị chảy máu động mạch?

c. Vì sao người có khả năng miễn dịch sau khi được tiêm vacxin?

**Câu 2:** Nêu đặc điểm cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng tiêu hóa thức ăn? (2đ)

**Câu 3**: Hút thuốc lá có hại như thế nào cho hệ hô hấp? (0,75 đ)

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2**

**I. Phần trắc nghiệm:** (0,25 đ/1câu)

Câu 1: 1- C; 2- C; 3- D; 4- A; 5- A; 6-B; 7- C; 8- B; 9 - C; 10- B; 11- C; 12- C

Câu 2- Nối: A- 1; B- 3; C- 4; D- 4

Câu 3: -........ Động mạch phổi ........Tĩnh mạch phổi

- .........Tâm thất trái.....................Tâm nhĩ phải

**II. Tự luận:**

**Câu 1: (2,25đ)**

a- Miễn dịch là khả năng của cơ thể không bị mắc một bệnh truyền nhiễm nào đó.

b- các bước sơ cứu khi bị chảy máu động mạch (Vết thương ở cổ tay, cổ chân)

+ Dùng ngón tay cái dò tìm và ấn động mạch làm ngừng chảy máu ở vết thương vài ba phút (Hoặc bịt chặt vết thương…)

+ Buộc garo bằng dây cao su hoặc vải mềm vào vị trí gần sát nhưng cao hơn vết thương (về phía tim)…

+ Sát trùng vết thương (nếu có điều kiện), đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu

c- Vì độc tố của vi khuẩn… là kháng nguyên đã được làm yếu không đủ khả năng gây hại cho cơ thể. Khi đưa vào cơ thể nó tác dụng kích thích tế bào bạch cầu tiết kháng thể. Kháng thể tạo ra tiếp tục tồn tại trong máu giúp cơ thể miễn dịch được với bệnh đó.

**Câu 2 (2đ)**

Đặc điểm cấu tạo ruột non phù hợp với tiêu hóa thức ăn:

+ Ruột non cũng có cấu tạo 4 lớp như dạ dày nhưng thành mỏng hơn. Lớp cơ có cơ vòng, cơ dọc co bóp tạo lực đẩy thức ăn dần xuống các phần tiếp theo của ruột, đồng thời giúp thức ăn thấm đều dịch mật, dịch tụy và dịch ruột

+ Lớp niêm mạc có tuyến ruột tiết dịch ruột. tá tràng nhận các dịch tiêu hóa khác là dịch mật và dịch tụy

**Câu 3:** (0,75đ)

Trong thuốc lá có chất độc nicôtin, cacbon ôxit gây:

- Tê liệt lớp lông rung phế quản, giảm hiệu quả lọc sạch không khí.

- Có thể gây ung thư phổi.

-> Thuốc lá gây tác hại đến hô hấp,… từ đó ảnh hưởng tới sức khỏe, tuổi thọ bản thân và những người xung quanh.